

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2019/HNGĐ-PT

Ngày: 25/10/2019

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Thuấn.

Các Thẩm phán: Ông Trần Anh Tuấn.

Bà Nguyễn Thị Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Nam - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Bà Nguyễn Thị Hải Anh
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 41/2019/TLPT-HNGĐ ngày 02/10/2019, về việc *“Tranh chấp hôn nhân và gia đình”*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2019/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 8 năm 2019, của Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 31/2019/QĐ-PT ngày 03 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị K, sinh năm 1990;

Nơi ĐKHKTT: Xã E, huyện S, tỉnh Đắk Lắk.

Trú tại: Thôn X, xã L, huyện P, tỉnh Bắc Ninh.

2. *Bị đơn:* Anh Nông Văn T, sinh năm 1992;

Trú tại: Xã E, huyện S, tỉnh Đắk Lắk.

Người kháng cáo: Bị đơn anh Nông Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đỗ Thị K trình bày: Chị K và anh Nông Văn T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện S, tỉnh Đắk Lắk

vào ngày 24/4/2012. Thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng hay cãi nhau, sống với nhau không hạnh phúc, do bất đồng quan điểm, tính tình trái ngược, mặc dù chị cố gắng níu kéo hàn gắn nhưng không được. Hiện nay, vợ chồng chị đã sống ly thân, chị không còn tình cảm với chồng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là cháu Nông Thị Phương U, sinh ngày 06/7/2016. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con đến khi trưởng thành (18 tuổi).

Về cấp dưỡng: Chị K không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nông Văn T trình bày: Anh T và chị Đỗ Thị K chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện S, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 24/4/2012. Trong cuộc sống vợ chồng anh có một số mâu thuẫn cãi nhau, sống với nhau không hạnh phúc, do làm ăn thua lỗ, gia đình không có tiền nên bất đồng quan điểm, mặc dù hai bên cố gắng hàn gắn nhưng không được hiện nay vợ chồng anh đã sống ly thân. Nay chị K làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh không đồng ý vì muốn vợ chồng về ở với nhau, cùng xây dựng gia đình, nuôi dạy con cái.

Về con chung: Quá trình chung sống có 01 con chung là cháu Nông Thị Phương U, sinh ngày 06/7/2016. Nếu phải ly hôn anh yêu cầu được nuôi con chung đến khi trưởng thành (18 tuổi).

Về cấp dưỡng: Anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2019/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 8 năm 2019, của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147, Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82, Điều 83, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Đỗ Thị K.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Đỗ Thị K được ly hôn với anh Nông Văn T.

- *Về nuôi con chung*: Giao cho chị Đỗ Thị K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Nông Thị Phương U, sinh ngày 06/7/2016, đến tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Anh T được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị K không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/8/2019, bị đơn anh Nông Văn T kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm số 11/2019/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 8 năm 2019, của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Đắk Lắk về phần con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện; bị đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Các đương sự trong vụ án và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 – Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn anh Nông Văn T - Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 11/2019/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 8 năm 2019, của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị K và anh T chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện S, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 24/4/2012, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn, cãi nhau do làm ăn thua lỗ, vợ chồng bất đồng quan điểm, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị K và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài,

mục đích hôn nhân không đạt được, nếu cứ kéo dài hôn nhân của các bên cũng không thể mang lại hạnh phúc cho nhau. Nên bản án sơ thẩm đã quyết định cho chị Đỗ Thị K được ly hôn với anh Nông Văn T là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn anh Nông Văn T yêu cầu giao cháu U cho anh T nuôi dưỡng vì các lý do sau: Chị K không có nơi cư trú ổn định, không có công việc ổn định và từ khi cháu U sinh ra đến nay do bà nội của cháu là bà Hoàng Thị B nuôi dưỡng; hiện nay thu nhập của anh T là 5.000.000đ/tháng. Hội đồng xét xử thấy, cháu Nông Thị Phương U, sinh ngày 06/7/2016, cho tới nay cháu U được 03 năm, 04 tháng tuổi. Cháu U là con gái tuổi còn nhỏ, trong tuổi này cháu cần sự chăm sóc cả về vật chất và tinh thần. Việc giao cháu U cho chị K nuôi dưỡng sẽ tạo được tâm lý tốt và tạo điều kiện tốt nhất cho cháu được phát triển. Mặt khác, anh T cho rằng, từ khi cháu U sinh ra đến nay do bà nội của cháu là bà Hoàng Thị B nuôi dưỡng nên anh T cũng không phải là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu U. Vì vậy, kháng cáo của anh T là không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử cần áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 – Không chấp nhận kháng cáo của anh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí: Do không chấp nhận đơn kháng cáo nên bị đơn anh Nông Văn T phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 - Không chấp nhận kháng cáo của anh Nông Văn T, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2019/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 8 năm 2019, của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147, Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82, Điều 83, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Đỗ Thị K.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Đỗ Thị K được ly hôn với anh Nông Văn T.

- *Về nuôi con chung*: Giao cho chị Đỗ Thị K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Nông Thị Phương U, sinh ngày 06/7/2016, đến tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Anh T được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị K không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân phúc thẩm: Anh Nông Văn T phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0012694, ngày 03/9/2019, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Đắk Lắk.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện S;
- Chi cục THADS huyện. S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Thuận